

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ VỊ THANH
TỈNH HẬU GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 41/2022/HS-ST

Ngày 16 - 8 - 2022

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ VỊ THANH, TỈNH HẬU GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Huỳnh Xuân Tình.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Nguyễn Thanh Hải.

Ông La Thanh Long.

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Chí Khánh - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Vị Thanh, tỉnh Hậu Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Vị Thanh, tỉnh Hậu Giang tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Duy Khánh - Kiểm sát viên.

Ngày 16 tháng 8 năm 2022 tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Vị Thanh xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 29/2022/TLST-HS ngày 24 tháng 6 năm 2022 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 35/2022/QĐXXST-HS ngày 22 tháng 7 năm 2022 và Thông báo ngày 05 tháng 8 năm 2022 đối với các bị cáo:

1. Huỳnh Thanh N (tên gọi khác: Không), sinh ngày 05 tháng 02 năm 1992, tại Vị Thủy, Hậu Giang; Nơi cư trú: khu vực A, phường B, thành phố Vị Thanh, tỉnh Hậu Giang; nghề nghiệp: không; trình độ văn hoá (học vấn): 9/12; dân tộc: Kinh; giới tính: nam; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Huỳnh Văn Lộc E và bà Phan Lệ H; chưa có vợ con; tiền án: Ngày 2020, bị Tòa án nhân dân huyện Giồng Riềng, tỉnh Kiên Giang xử phạt 18 tháng tù, đến ngày 12 tháng 10 năm 2021 bị can chấp hành xong; tiền sự: không; Về nhân thân: Ngày 23/01/2014, Phòng Cảnh sát điều tra tội phạm về trật tự xã hội Công an tỉnh Hậu Giang ra Quyết định xử phạt vi phạm hành chính về hành vi Đánh bạc trái phép;

Vào ngày 17/5/2017, Công an phường IV ra Quyết định xử phạt hành chính số 17 về hành vi trộm cắp tài sản, đã chấp hành xong; Vào ngày 12/7/2017, Tòa án nhân dân thành phố Vị Thanh ra Quyết định áp dụng biện pháp xử lý hành chính đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc, đã chấp hành xong. Bị bắt, tạm giữ ngày 09/4/2022 đến ngày 14/4/2022 chuyển tạm giam đến nay. Có mặt.

2. Trần Minh D (tên gọi khác: Không), sinh ngày 25 tháng 02 năm 1988, tại Vị Thanh, Hậu Giang; Nơi cư trú: khu vực A, phường B, thành phố Vị Thanh, tỉnh Hậu Giang; nghề nghiệp: không; trình độ văn hoá (học vấn): 5/12; dân tộc: Kinh; giới tính: nam; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Trần Văn T (đã chết) và bà Trần Thị S (đã chết); chưa có vợ con; tiền án: không; tiền sự: không; Về nhân thân: không. Bị bắt, tạm giữ ngày 09/4/2022 đến ngày 14/4/2022 chuyển tạm giam đến nay. Có mặt.

- *Bị hại:* Ông Bùi Văn L, sinh năm: 1992.

Nơi cư trú: ấp Q, xã T, thành phố Vị Thanh, tỉnh Hậu Giang. Vắng mặt.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trong vụ án:*

1. Bà Nguyễn Thị Bé T, sinh năm 1968.

Nơi cư trú: khu vực C, phường D, thành phố Vị Thanh, tỉnh Hậu Giang.
Vắng mặt.

2. Bà Trịnh Thị S, sinh năm 1968.

Nơi cư trú: ấp Q, xã T, thành phố Vị Thanh, tỉnh Hậu Giang. Vắng mặt.

- *Người làm chứng:* Ông Nguyễn Văn Tính. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 00 giờ 00 phút ngày 02/4/2022, Huỳnh Thanh N đến nhà của ông Nguyễn Văn T để chơi thì gặp Trần Minh D. Khi đó, ông Tính không có ở nhà, sau đó, Nhân rủ Dương cùng đi trộm cắp tài sản và Dương đồng ý. Vì vậy, cả hai lấy xe mô tô biển kiểm soát 53Y7-7116 loại Dream, Trung Quốc của Dương để làm phương tiện đi lại trộm cắp tài sản. Khi đến đoạn thuộc ấp Q, xã T, thành phố Vị Thanh thì cả hai phát hiện một ngôi nhà bên trong vẫn còn mở đèn sáng, cửa rào bên ngoài là loại lưới chì 40, được đóng nhưng chỉ bằng dây chì. Phía trước cửa nhà có 02 người đang ngủ say là ông L và dì của ông L, kế bên chỗ ngủ có đậu một xe mô tô biển số 95B1-554.22, loại xe Exciter, nhãn hiệu yamaha, màu đen, số máy G3D4E689125, số khung 0610JY661795, dung tích

150 (đã qua sử dụng). Bị cáo N dừng xe gần nhà rồi kêu Bị cáo D ngồi ngoài xe canh chừng, còn Nhân vào bên trong đến chỗ xe đậu, nhìn xung quanh không thấy ai nên đã lấy một xe mô tô biển số 95B1-554.22, loại xe Exciter, do xe không có chìa khoá nên Nhân đã lấy một đoạn dây điện từ đèn pin loại đội đầu mang theo gắn vào dây điện xe để xe hoạt động. Sau khi xe nổ máy thì N và D chạy về nhà của ông Tính.

Vật chứng thu giữ gồm:

- 01 (một) đèn pin loại đội đầu.
- 01 (một) cuộn băng keo màu đen.
- 01 (một) chấu nối dây điện màu đen.
- 01 (một) Biển số xe 91B1 - 519.15.
- 02 (hai) vỏ chai nước sơn màu đen.
- 01 (một) xe mô tô biển kiểm soát 53Y7-7116 loại Dream, Trung Quốc, màu nâu, số máy: VDEJ0139FMB300096, số khung: không xác định được (đã qua sử dụng).
- 01 (một) xe mô tô biển số 95B1-554.22, loại xe Exciter, nhãn hiệu yamaha, màu đen, số máy G3D4E689125, số khung 0610JY661795, dung tích 150 (đã qua sử dụng).

Tại Bản kết luận định giá tài sản số 06/BKLDGTS ngày 13/4/2022 của Hội đồng định giá tài sản Ủy ban nhân dân thành phố Vĩ Thanh kết luận: Giá trị còn lại của 01 xe mô tô biển số 95B1-554.22, loại xe Exciter, nhãn hiệu yamaha, màu đen, số máy G3D4E689125, số khung 0610JY661795, dung tích 150 (đã qua sử dụng) là 18.000.000 đồng (Mười tám triệu đồng) (Bút lục 77).

Về trách nhiệm dân sự: ngày 03/6/2022, Huỳnh Hữu Nghĩa bồi thường khắc phục cho bị hại với số tiền là 7.092.000 đồng thay cho bị cáo N và D. Bị hại Bùi Văn L không yêu cầu bồi thường thêm.

Trả lại cho bị hại Bùi Văn L 1 xe mô tô biển số 95B1-554.22, loại xe Exciter, nhãn hiệu yamaha, màu đen, số máy G3D4E689125, số khung 0610JY661795, dung tích 150 (đã qua sử dụng).

Tại Bản cáo trạng số 31/CT-VKS-TPVT ngày 20 tháng 6 năm 2022 của Viện kiểm sát nhân dân thành phố Vĩ Thanh, tỉnh Hậu Giang truy tố bị cáo Huỳnh Thanh N và Trần Minh D về tội “Trộm cắp tài sản” theo khoản 1 Điều 173 Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa, đại diện Viện Kiểm sát giữ nguyên quan điểm truy tố đối với bị cáo Huỳnh Thanh N và Trần Minh D và đề nghị Hội đồng xét xử:

Áp dụng: khoản 1 Điều 173, điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51, điểm h khoản 1 Điều 52, Điều 17, Điều 38, Điều 58 Bộ luật hình sự.

Xử phạt Huỳnh Thanh N từ 12 (mười hai) tháng đến 18 (mười tám) tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản”.

Áp dụng: khoản 1 Điều 173, điểm b, i, s khoản 1 Điều 51, Điều 17, Điều 38, Điều 58 Bộ luật hình sự.

Xử phạt Trần Minh D từ 06 (sáu) tháng đến 09 (chín) tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản”.

Về xử lý vật chứng, trách nhiệm dân sự và án phí: Đề nghị xử lý theo quy định của pháp luật.

Tại phiên tòa, bị cáo Huỳnh Thanh N và Trần Minh D thừa nhận toàn bộ hành vi mà mình phạm tội như nội dung Cáo trạng đã truy tố và xin Tòa giảm nhẹ hình phạt.

Lời nói sau cùng của bị Huỳnh Thanh N: Xin cho Bị cáo D hình phạt nhẹ vì Bị cáo D chỉ nghe lời xúi giục của bị cáo. Bị cáo biết sai và xin giảm nhẹ hình phạt để sớm về làm lại cuộc đời.

Lời nói sau cùng của Bị cáo Trần Minh D: xin giảm nhẹ hình phạt để bị cáo làm lại cuộc đời.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về tính hợp pháp của các hành vi, quyết định tố tụng:

Trong quá trình điều tra, truy tố Cơ quan điều tra Công an thành phố Vị Thanh, Điều tra viên, Viện Kiểm sát nhân dân thành phố Vị Thanh, Kiểm sát viên đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo và những người tham gia tố tụng không người nào có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Về sự có mặt, vắng mặt của những người tham gia tố tụng:

Bị hại Bùi Văn L, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trong vụ án bà Nguyễn Thị Bé T, bà Trịnh Thị S và người làm chứng ông Nguyễn Văn Tính đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt. Xét, việc vắng mặt của người tham gia tố tụng không ảnh hưởng đến việc giải quyết vụ án nên căn cứ vào quy định tại Điều 292, 293 Bộ luật tố tụng hình sự, Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử vụ án.

[3] Về tội danh:

Tại phiên tòa, bị cáo Huỳnh Thanh N và Trần Minh D thừa nhận hành vi phạm tội mà bị cáo thực hiện như cáo trạng đã truy tố. Xét lời trình bày của bị cáo phù hợp với các tài liệu chứng cứ khác nên có đủ cơ sở để khẳng định: Bị cáo Huỳnh Thanh N và Trần Minh D là người có năng lực trách nhiệm hình sự. Khoảng 00 giờ 00 phút ngày 02/4/2022, Huỳnh Thanh N và Trần Minh D đến nhà của Bùi Văn L trộm 01 xe mô tô biển số 95B1-554.22, loại xe Exciter, nhãn hiệu yamaha, màu đen, số máy G3D4E689125, số khung 0610JY661795, dung tích 150 (đã qua sử dụng). Bản kết luận định giá tài sản số 06/BKLDGTS ngày 13/4/2022 của Hội đồng định giá tài sản Ủy ban nhân dân thành phố Vị Thanh kết luận: Giá trị còn lại của 01 xe mô tô biển số 95B1-554.22, loại xe Exciter, nhãn hiệu yamaha, màu đen, số máy G3D4E689125, số khung 0610JY661795, dung tích 150 (đã qua sử dụng) là 18.000.000 đồng (Mười tám triệu đồng). Theo quy định tại khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự: *“Người nào trộm cắp tài sản của người khác trị giá từ 2.000.000 đồng đến dưới 50.000.000 đồng hoặc dưới 2.000.000 đồng nhưng thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt cải tạo không giam giữ đến 03 năm hoặc phạt tù từ 06 tháng đến 03 năm...”*. Như vậy, bị cáo biết rõ việc trộm cắp là vi phạm pháp luật nhưng vẫn cố ý thực hiện hành vi lén lút lấy trộm tài sản nên Cáo trạng của Viện kiểm sát truy tố bị cáo phạm tội trộm cắp tài sản theo quy định tại khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự là có căn cứ, đúng người, đúng tội, đúng quy định pháp luật.

[4] Xét tính chất, mức độ nguy hiểm của hành vi:

Hành vi phạm tội của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, trực tiếp xâm phạm đến quyền sở hữu tài sản hợp pháp của người khác được pháp luật bảo vệ, gây mất an ninh, trật tự tại địa phương. Do đó, cần có mức án tương xứng mới có tác dụng cải tạo, giáo dục bị cáo trở thành công dân có ích. Đồng thời, giúp ngăn ngừa và đề phòng tội phạm chung.

[5] Xét vai trò đồng phạm trong vụ án: Khi thực hiện hành vi phạm tội, các bị cáo không có sự cấu kết chặt chẽ, phân công vai trò nhiệm vụ rõ ràng giữa những người tham gia nên vụ án mang tính chất đồng phạm giản đơn, các bị cáo đều là người thực hành. Trong đó, bị cáo N vừa là người rủ rê, lôi kéo, vừa là người trực tiếp thực hiện hành vi phạm tội nên là người có vai trò chính. Vì vậy, hội đồng xét xử xử phạt bị cáo N với mức hình phạt nghiêm khắc hơn. Còn Bị cáo D thực hiện hành vi phạm tội với vai trò là người giúp sức. Vì vậy, hội đồng xét xử xử phạt Bị cáo D với mức hình phạt nghiêm khắc để răn đe giáo dục và cải tạo đối với bị cáo.

[6] Về nhân thân:

[6.1] Bị cáo Huỳnh Thanh N có nhân thân không tốt, đã 01 lần bị xét xử hình sự về cùng nhóm tội chiếm đoạt tài sản, sau khi chấp hành xong bị cáo lại tiếp tục phạm tội. Điều đó chứng tỏ ý thức chấp hành pháp luật của bị cáo rất kém, bị cáo không có khả năng tự cải tạo, giáo dục. Đồng thời, bản thân bị cáo trước đó từng bị áp dụng biện pháp xử lý hành chính đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc và cũng đã bị xử phạt hành chính nhiều lần, nên lẽ ra phải biết lao động, học tập phấn đấu để trở thành người có ích cho gia đình và xã hội nhưng bị cáo không lấy đó làm bài học kinh nghiệm cho bản thân mà lại tiếp tục thực hiện hành vi phạm tội.

[6.2] Bị cáo Trần Minh D có nhân thân chưa có tiền án, tiền sự.

[7] Về tình tiết tăng nặng:

[7.1] Bị cáo Huỳnh Thanh N phạm tội thuộc trường hợp tái phạm quy định tại điểm h khoản 1 Điều 52 Bộ luật hình sự.

[7.2] Bị cáo Trần Minh D không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự.

[8] Về tình tiết giảm nhẹ:

[8.1] Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo Huỳnh Thanh N thành khẩn khai báo, tỏ ra ăn năn hối cải về hành vi phạm tội mà bị cáo đã thực hiện, bị cáo đã tác động gia đình khắc phục thiệt hại, gia đình có công với cách mạng nên áp dụng cho bị cáo tình tiết giảm nhẹ được quy định tại điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự.

[8.2] Quá trình điều tra và tại phiên tòa, Bị cáo Trần Minh D thành khẩn khai báo, tỏ ra ăn năn hối cải về hành vi phạm tội mà bị cáo đã thực hiện, bị cáo đã tác động gia đình khắc phục thiệt hại, phạm tội lần đầu thuộc trường hợp ít nghiêm trọng nên áp dụng cho bị cáo tình tiết giảm nhẹ được quy định tại điểm b, i, s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự.

[9] Từ những phân tích trên, sau khi cân nhắc tính chất và mức độ nguy hiểm cho xã hội của hành vi phạm tội, nhân thân của bị cáo, các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, trên cơ sở đối chiếu với quy định của Bộ luật hình sự, Hội đồng xét xử xét thấy cần cách ly bị cáo ra ngoài xã hội một thời gian tương xứng với hành vi phạm tội của bị cáo để bị cáo có điều kiện cải tạo, trở thành người công dân có ích cho gia đình và xã hội. Do đó, mức hình phạt tù mà Viện kiểm sát đề nghị áp dụng là phù hợp nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[10] Đối với ông Nguyễn Văn Tính, do không biết bị cáo N và Bị cáo D

trộm cắp tài sản và sử dụng trái phép chất ma túy tại nhà của ông nên Viện kiểm sát nhân dân thành phố Vị Thanh không truy tố. Vì vậy, Hội đồng xét xử không xem xét.

[11] Về vật chứng trong vụ án: Căn cứ vào các điều 46, 47, 48 Bộ luật hình sự; Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự:

- Đối với vật chứng là 01 (một) xe mô tô biển số 95B1-554.22, loại xe Exciter, nhãn hiệu yamaha, màu đen, số máy G3D4E689125, số khung 0610JY661795, dung tích 150 (đã qua sử dụng) đã trả lại cho bị hại theo Quyết định xử lý vật chứng số 06/QĐ-CQĐT ngày 06/6/20222 của Cơ quan cảnh sát điều tra công an Thành phố Vị Thanh nên Hội đồng xét xử không xem xét.

- Đối với vật chứng bị cáo dùng vào việc phạm tội 01 (một) đèn pin loại đội đầu; 01 (một) cuộn băng keo màu đen; 01 (một) chấu nối dây điện màu đen; 01 (một) Biển số xe 91B1 - 519.15; 02 (hai) vỏ chai nước sơn màu đen nên tịch thu tiêu hủy.

- Đối với vật chứng là 01 (một) xe mô tô biển kiểm soát 53Y7-7116 loại Dream, trung Quốc, màu nâu, số máy: VDEJ0139FMB300096, số khung: không xác định được (đã qua sử dụng) bị cáo dùng vào việc phạm tội nên tịch thu sung quỹ Nhà nước.

[12] Về trách nhiệm dân sự: Trong quá trình điều tra, bị hại ông Bùi Văn L đã nhận lại tài sản và đã được bồi thường nên không yêu cầu gì thêm, vì vậy, Hội đồng xét xử không xem xét.

[13] Về án phí: Bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

[14] Về quyền kháng cáo: Bị cáo, bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Căn cứ vào khoản 1 Điều 173, điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51, điểm h khoản 1 Điều 52, Điều 17, Điều 38, Điều 58 Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017;

Tuyên bố bị cáo Huỳnh Thanh N phạm tội “Trộm cắp tài sản”.

Xử phạt bị cáo Huỳnh Thanh N 01 (một) năm tù; thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị tạm giữ ngày 09 tháng 4 năm 2022.

Căn cứ vào khoản 1 Điều 173; điểm b, i, s khoản 1 Điều 51, Điều 17, Điều 38, Điều 58 Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017;

Tuyên bố Bị cáo Trần Minh D phạm tội “Trộm cắp tài sản”.

Xử phạt Bị cáo Trần Minh D 06 (sáu) tháng tù; thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị tạm giữ ngày 09 tháng 4 năm 2022.

Căn cứ vào Điều 329 Bộ luật tố tụng Hình sự; Tiếp tục tạm giam bị cáo Huỳnh Thanh N, Trần Minh D 45 (bốn mươi lăm) ngày để đảm bảo thi hành án. Thời gian tạm giam tính từ ngày tuyên án (ngày 16 tháng 8 năm 2022).

2. Về xử lý vật chứng: Căn cứ vào các điều 46, 47, 48 Bộ luật hình sự; Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự:

Tịch thu tiêu hủy 01 (một) đèn pin loại đội đầu; 01 (một) cuộn băng keo màu đen; 01 (một) chậu nối dây điện màu đen; 01 (một) Biển số xe 91B1 - 519.15; 02 (hai) vỏ chai nước sơn màu đen;

Tịch thu sung quỹ nhà nước 01 (một) xe mô tô biển kiểm soát 53Y7-7116 loại Dream, Trung Quốc, màu nâu, số máy: VDEJ0139FMB300096, số khung: không xác định được (đã qua sử dụng).

(Theo Quyết định chuyển vật chứng số 31/QĐ-VKS-TPVT ngày 20/6/2022 của Viện kiểm sát nhân dân thành phố Vị Thanh, tỉnh Hậu Giang).

3. Về án phí: Căn cứ vào Điều 136 Bộ luật tố tụng Hình sự năm 2015, Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án; Bị cáo Huỳnh Thanh N phải chịu 200.000 đồng (hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm. Bị cáo Trần Minh D phải chịu 200.000 đồng (hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm.

4. Quyền kháng cáo: Bị cáo Huỳnh Thanh N, Trần Minh D có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị hại Bùi Văn L, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Thị Bé T, bà Trịnh Thị S vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tổng đạt hợp lệ.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Hậu Giang;
- VKSND TP. Vị Thanh;
- CCTHADS TP. Vị Thanh;

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

- Cơ quan CSĐT Công an TP. Vị Thanh;
- Cơ quan THAHS Công an TP. Vị Thanh;
- Sở Tư pháp tỉnh Hậu Giang;
- Bị cáo; Bị hại;
- UBND phường IV, TP. Vị Thanh, tỉnh Hậu Giang;
- Lưu hồ sơ vụ án.

Huỳnh Xuân Tình

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
CÁC HỘI THẨM NHÂN DÂN THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Thanh Hải

La Thanh Long

Huỳnh Xuân Tình

